

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo và học vụ bậc đại học, cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 3502/ĐHBK-ĐT ngày 25/11/2015, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 553/ĐHBK-ĐT ngày 07/03/2017 và Quyết định số 221/ĐHBK-ĐT ngày 24/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc Gia Tp.HCM

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc Gia Tp.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 767/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 12/9/2006 và Quyết định số 803/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 16/7/2009 của Giám Đốc Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Điều 15 Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách Khoa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo và học vụ bậc đại học, cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 3502/ĐHBK-ĐT ngày 25 tháng 11 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 553/ĐHBK-ĐT ngày 07/03/2017 và Quyết định số 221/ĐHBK-ĐT ngày 24/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc Gia Tp.HCM, như sau:

1. Khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

### “7.2 Thanh toán học phí

SV phải thanh toán học phí đúng hạn cho các môn học đã đăng ký và/hoặc đã có TKB chính thức. SV kiểm tra và thanh toán học phí qua cổng thanh toán trực tuyến của nhà trường. Các khoản học phí không thanh toán sẽ bị ghi nợ.

Đối với học phí học kỳ chính, SV phải thanh toán học phí tối thiểu 50% trước giữa học kỳ và thanh toán phần còn lại trước tuần học cuối cùng của học kỳ (thời hạn cụ thể được thông báo

mỗi học kỳ). SV thanh toán trễ hạn hoặc không thanh toán thì sẽ bị trừ điểm rèn luyện (trừ 5 điểm/lần vi phạm). Các SV vẫn chưa hoàn tất học phí sau hạn cuối cùng trong học kỳ thì sẽ bị tạm dừng học, hủy kết quả đăng ký môn học/TKB chính thức và kết quả học tập (nếu có) của học kỳ.

Đối với học phí học kỳ dự thính và diện dự thính, SV phải thanh toán toàn bộ học phí trước tuần thứ 3 của học kỳ (thời hạn cụ thể được thông báo mỗi học kỳ). SV thanh toán trễ hạn hoặc không thanh toán thì sẽ bị xóa thời khóa biểu, không có tên tham dự kiểm tra/thi và không được đăng ký môn học cho học kỳ dự thính tiếp theo. Trường hợp này, SV phải thanh toán học phí (dù đã trễ hạn) và nộp đơn trình bày lý do trễ hạn để được xem xét dự thi và được đăng ký môn học cho học kỳ dự thính tiếp theo. Các trường hợp vi phạm nhiều lần sẽ không được xem xét giải quyết.

Các SV diện được xét miễn, giảm học phí theo chính sách cần liên hệ P.CTCT-SV để làm hồ sơ theo đúng quy định. Các trường hợp gặp khó khăn đột xuất, SV cần liên hệ P.CTCT-SV để làm hồ sơ xin hoãn nộp học phí. Nếu được xét hoãn nộp học phí, SV phải thanh toán vào học kỳ kế phần học phí này cùng với học phí của học kỳ kế. Không xét việc hoãn cho 2 học kỳ liên tiếp. Chỉ xét hoãn, miễn hay giảm học phí cho các SV chính quy bằng 1 tại các học kỳ chính, không xét cho các học kỳ phụ và diện dự thính.

Riêng chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao, Liên kết Quốc tế:

- SV phải thanh toán toàn bộ học phí theo thời hạn quy định cụ thể trước mỗi học kỳ hoặc trong 2 tuần đầu đối với các môn học lại.
- Nếu chưa thanh toán sau thời hạn chính thức, SV được gia hạn tối đa một tuần, bị trừ 10 điểm rèn luyện và không được xem xét học bổng và các ưu tiên khác trong học kỳ.
- Các SV vẫn chưa hoàn tất học phí sau khi gian hạn thì sẽ bị tạm dừng học, hủy kết quả đăng ký môn học/TKB chính thức và kết quả học tập (nếu có) của học kỳ.”

2. Khoản 2 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

### **“9.2 Số tín chỉ tối đa trong một học kỳ chính**

Số tín chỉ tối đa được phép đăng ký trong một học kỳ chính ( $SốTC_{max}$ ) là **21 TC**. Các trường hợp riêng:

- SV khá giỏi ( $ĐTBTL \geq 7,5$  hoặc SV lớp KSTN):  $SốTC_{max} = 25$  TC (Không áp dụng cho HK có TTTN hoặc LVTN/TLTN) và phải được sự đồng ý của BCN Khoa.
- Chương trình Kỹ sư chất lượng cao PFIEV (Việt-Pháp):  $SốTC_{max} = 35$  TC.
- Các lớp có học kỳ chính mở ngoài giờ không hạn chế  $SốTC_{max}$  mà bị giới hạn bởi quỹ thời gian có thể xếp TKB.”

3. Bổ sung Khoản 5 vào Điều 9 như sau:

**“9.5 Số tiết đăng ký tối đa trong một ngày trong học kỳ chính**

Trong học kỳ chính, SV được đăng ký tối đa 10 tiết trong một ngày.”

4. Phụ lục 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**"Phụ lục 1: Quy định về ngoại ngữ (áp dụng cho các chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt)**

**1. Kiểm tra trình độ tiếng Anh khi nhập học**

- SV phải dự kiểm tra trình độ tiếng Anh (theo định dạng TOEIC) do PĐT tổ chức sau khi nhập học để xếp lớp Anh văn phù hợp với trình độ, nếu đạt kết quả cao sẽ được xét miễn học và ghi điểm miễn.
- Các SV đã có chứng chỉ Anh văn (CCAV) đạt yêu cầu có thể không tham dự kỳ kiểm tra và được đăng ký chuyển điểm cho các môn Anh văn vào cuối mỗi học kỳ (xem mục 5).
- Các SV không tham dự sẽ không được xếp TKB các môn Anh văn nhưng vẫn được xếp TKB các môn học khác theo chương trình đào tạo.

**Cách xếp lớp Anh văn**

Điểm kiểm tra	Xếp lớp	Miễn học và ghi điểm miễn
< 300	Anh văn cơ bản	
300 – 345	Anh văn 1	
350 – 395	Anh văn 2	Anh văn 1
400 – 445	Anh văn 3	Anh văn 1, 2
450 – 495	Anh văn 4	Anh văn 1, 2, 3
≥ 500		Anh văn 1, 2, 3, 4

**2. Chuẩn tiếng Anh trong quá trình học:**

**a) SV phải đạt các chuẩn tiếng Anh sau mỗi năm học để được đăng ký các môn học tiếp theo:**

SV phải đạt chuẩn tiếng Anh sau năm 1, 2, 3 để được đăng ký các môn học thuộc CTĐT năm 2, 3, 4 (tương ứng). Riêng các môn đại cương, chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng không yêu cầu chuẩn tiếng Anh.

*Trường hợp SV không đạt chuẩn tiếng Anh sau năm 1 thì sẽ không được đăng ký các môn học thuộc CTĐT năm 2, 3 và 4, mà chỉ được đăng ký các môn học thuộc CTĐT năm 1 và các môn môn đại cương, chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng. Tương tự cho trường hợp không đạt chuẩn tiếng Anh sau năm 2, 3.*

**b) Để đạt chuẩn tiếng Anh sau mỗi năm học, SV cần đạt ít nhất một trong ba điều kiện sau:**

- Đã hoàn thành (đạt điểm từ 5 trở lên hoặc điểm miễn MT) môn Anh văn (theo Bảng quy định ở mục c)
- Đăng ký dự kỳ kiểm tra tiếng Anh định kỳ (theo định dạng TOEIC) do PĐT tổ chức hoặc kỳ kiểm tra xếp lớp tiếng Anh khi nhập học và đạt mức điểm theo Bảng quy định ở mục c.
- Đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (TOEIC, TOEFL iBT, TOEFL ITP, IELTS, BULATS, KET, PET, FCE, CAE) hoặc chứng chỉ VNU-EPT với mức điểm theo Bảng quy định ở mục c.

*Xem hướng dẫn cách đăng ký nộp chứng chỉ ngoại ngữ và cách đăng ký tham dự trình độ tiếng Anh trên trang web PĐT.*

**c) Bảng quy định chuẩn tiếng Anh sau mỗi năm học:**

**Áp dụng từ khóa 2015 trở về trước:**

Bậc, hệ đào tạo	Chuẩn tiếng Anh sau năm 2
Đại học chính quy (CT đại trà; CT tài năng) Cao đẳng chính quy	250
Đại học VLVH, ĐTTXa	250 hoặc đạt môn AV250

**Áp dụng cho các khóa 2016 và 2017:**

Bậc, hệ đào tạo	Chuẩn tiếng Anh sau năm 1	Chuẩn tiếng Anh sau năm 2	Chuẩn tiếng Anh sau năm 3
Đại học chính quy (CT đại trà)	250	350 hoặc đạt môn Anh văn 1	400 hoặc đạt môn Anh văn 2
Đại học chính quy (CT tài năng K.2016)	250	350 hoặc đạt môn Anh văn 1	400 hoặc đạt môn Anh văn 2
Đại học chính quy (CT tài năng K.2017)	350 hoặc đạt môn Anh văn 1	500 hoặc đạt môn Anh văn 4	600
Cao đẳng chính quy	250	300	-
Đại học VLVH, ĐTTXa	-	250 hoặc đạt môn AV250	300 hoặc đạt môn AV300

**Áp dụng từ khóa 2018 trở về sau:**

Bậc, hệ đào tạo	Chuẩn tiếng Anh sau năm 1	Chuẩn tiếng Anh sau năm 2	Chuẩn tiếng Anh sau năm 3
Đại học chính quy (CT đại trà)	350 hoặc đạt môn Anh văn 1	450 hoặc đạt môn Anh văn 3	500 hoặc đạt môn Anh văn 4
Đại học chính quy (CT tài năng)	350 hoặc đạt môn Anh văn 1	500 hoặc đạt môn Anh văn 4	600
Đại học VLVH, ĐTTXa	-	300 hoặc đạt môn AV300	450 hoặc đạt môn AV450

*Các mức điểm trong bảng trên là điểm tối thiểu phải đạt từ kết quả kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh khi nhập học, kỳ kiểm tra tiếng Anh định kỳ (theo định dạng TOEIC) do PĐT tổ chức, chứng chỉ TOEIC (Listening & Reading) hoặc các chứng chỉ tương đương khác được quy định tại mục 4.*

- Riêng SV Lào và Campuchia, không có yêu cầu về chuẩn ngoại ngữ trong quá trình học nhưng vẫn phải hoàn thành các môn Anh văn có trong chương trình đào tạo.

### 3. Chuẩn tiếng Anh khi nhận Luận văn tốt nghiệp (LVTN) và khi tốt nghiệp

#### a) SV phải đạt chuẩn tiếng Anh để được nhận LVTN và xét tốt nghiệp:

SV phải có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh quốc tế (TOEIC, TOEFL iBT, TOEFL ITP, IELTS, BULATS, KET, PET, FCE, CAE) hoặc chứng chỉ VNU-EPT đạt chuẩn để đủ điều kiện nhận LVTN và xét tốt nghiệp.

Bậc, hệ đào tạo	Chuẩn tiếng Anh nhận LVTN	Chuẩn tiếng Anh xét tốt nghiệp
Đại học chính quy (CT đại trà)	<b>450</b> (từ K.2009 đến K.2015) <b>500</b> (từ K.2016 trở đi)	<b>450</b> (từ K.2009 đến K.2014) <b>500</b> (từ K.2015 trở đi)
Đại học chính quy (CT tài năng)	<b>450</b> (từ K.2016 về trước) <b>600</b> (từ K.2017 trở đi)	<b>550</b> (từ K.2013 đến K.K2016) <b>600</b> (từ K.2017 trở đi)
Cao đẳng chính quy	<b>350</b>	<b>400</b>
Đại học VLVH, ĐTTXa	<b>350</b> (từ K.2017 về trước) hoặc đạt môn AV350 <b>450</b> (từ K.2018 trở đi) hoặc đạt môn AV450	<b>400</b> (từ K.2017 về trước) hoặc đạt môn AV400 <b>450</b> (từ K.2018 trở đi) hoặc đạt môn AV450
Đại học chính quy Bằng 2	<i>Học chương trình đào tạo của Khóa nào thì áp dụng quy tắc của Khóa đó.</i>	

*Các mức điểm trong bảng trên là điểm tối thiểu phải đạt từ chứng chỉ TOEIC (Listening & Reading) hoặc các chứng chỉ tương đương khác được quy định tại mục 4.*

#### b) Quy định về kỹ năng tiếng Anh:

- Chuẩn tiếng Anh nhận LVTN chấp nhận các chứng chỉ tiếng Anh 2 kỹ năng và chứng chỉ tiếng Anh 4 kỹ năng.

- Chuẩn tiếng Anh xét tốt nghiệp (*Áp dụng cho bậc đại học chính quy từ khóa 2013 trở đi*): phải đạt 4 kỹ năng (Reading, Listening, Speaking, Writing)

+ Các chứng chỉ tiếng Anh 4 kỹ năng được chấp nhận: TOEFL iBT, IELTS, KET, PET, FCE, CAE, VNU-EPT

+ Các chứng chỉ tiếng Anh 2 kỹ năng (Listening & Reading) TOEIC, TOEFL ITP, BULATS được chấp nhận với điều kiện phải đạt thêm một trong các chứng chỉ sau:

\* Chứng chỉ Speaking & Writing (với mức Đạt) của Trung tâm Ngoại ngữ của Trường Đại học Bách Khoa (*chỉ áp dụng từ khóa 2013 đến khóa 2017*)

\* Chứng chỉ TOEIC Speaking & Writing với mức điểm tối thiểu là 200. **Riêng chương trình tài năng là 245.**

\* Chứng chỉ BULATS Speaking & Writing với mức điểm tối thiểu là 6.0

#### c) Các trường hợp khác:

- Các SV đã tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh được xem là đạt chuẩn tiếng Anh để xét nhận LVTN và xét tốt nghiệp.

- Đối với các SV Lào và Campuchia, không có yêu cầu về chuẩn ngoại ngữ khi nhận LVTN

và xét tốt nghiệp (theo công văn 7500/BGDĐT-GDDH ngày 15/10/2013).

- Các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

#### 4. Chuyển điểm các môn ngoại ngữ và bảng quy đổi tương đương các chứng chỉ

SV đạt yêu cầu được đăng ký chuyển điểm các môn Anh văn, Pháp văn như sau (*xem hướng dẫn cách đăng ký nộp chứng chỉ ngoại ngữ và cách đăng ký chuyển điểm cho các môn ngoại ngữ trên trang web PDT*).

##### a) Các môn Anh văn:

##### - Bảng quy đổi tương đương và chuyển điểm áp dụng từ HK1/2017-2018

Các chứng chỉ Anh văn quốc tế									VNU-EPT	Các môn Anh văn			
TOEIC Listening & Reading	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	BULATS	KET	PET	FCE	CAE		AV1	AV2	AV3	AV4
350	417	35	3.0	30	Merit				5				
360	420	36		31					5.5				
370	423	37		32					6				
380	427	38		33					6.5				
390	430	39		34					7				
400	433	40	3.5	35					7.5	5			
410	440	42		36					8	5.5			
420	447	44		37					8.5	6			
430	453	46		38					9	6.5			
440	460	48		39					9.5	7			
450	463	50	4.0	40	Distinction	Pass	Level B1		218	10	7.5	5	
460	467	51		42					10	8	5.5		
470	470	52		44					10	8.5	6		
480	473	53		45					10	9	6.5		
490	477	54		46					10	9.5	7		
500	480	55	4.5	47		Merit			234	10	10	7.5	5
525	490	57		49					10	10	8	5.5	
550	497	59		51					250	10	10	8.5	6
575	500	61		53					10	10	9	6.5	
600	510	64	5.0	54					260	10	10	9.5	7
620	517	66		56					10	10	10	7.5	
630	520	68		58					10	10	10	8	
640	523	69		60					10	10	10	8.5	
650	527	70	5.5	62		Distinction	Grade C	Level B2	270	10	10	10	9
675	537	75		64					10	10	10	9.5	
700	550	79	6.0	67			Grade B; Grade A	Grade C; Grade B; Grade A;	280	10	10	10	10

##### - Trường hợp đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành tiếng Anh

Các sinh viên đã tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh được miễn và chuyển điểm 10 cho 4 môn Anh văn.

##### b) Các môn Pháp văn:

+ DELF B1, B2: quy đổi 10 điểm cho các môn Pháp văn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7

+ DELF A2: quy đổi 10 điểm cho các môn Pháp văn 1, 2

+ Tú tài Pháp hoặc Tốt nghiệp phổ thông chương trình Song ngữ và tăng cường tiếng Pháp: quy đổi 10 điểm cho các môn Pháp văn 1, 2

Các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Hiệu trưởng quyết định."

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ học kỳ 2 năm học 2018-2019. Các quy định trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Trưởng các phòng ban, Trưởng khoa, Giám đốc trung tâm đào tạo và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**HIỆU TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- + Các đơn vị (trường ĐHBK)
- + ĐHQG Tp.HCM (để báo cáo)
- + Lưu (VT, PĐT)

**PGS. TS Mai Thanh Phong**